

Số: 75/2025/QĐST-DS

Càng Long, ngày 12 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 13 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 406/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc “Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1972. Địa chỉ: khóm 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn:

1. Bà Võ Thị H, sinh năm 1980. Địa chỉ: khóm 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh;

2. Bà Võ Thị P, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp 3, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh;

3. Ông Võ Thanh T, sinh năm 1990. Địa chỉ: khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về số tiền phải trả:** Hai bên tự nguyện thỏa thuận: Bà Võ Thị H, bà Võ Thị P, ông Võ Thanh T thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay bà Bùi Thị H để trả cho ông Nguyễn Thành C số tiền nợ hui là 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu

đồng) trong phạm vi di sản của bà Bùi Thị H để lại là quyền sử dụng đất thửa đất số 75, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.181,6 m², loại đất ONT-CLN tọa lạc tại khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (do bà Bùi Thị H đứng tên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)

(Kèm theo công văn số 63 của văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 23/02/2023)

- **Về thời gian trả:** Hai bên tự nguyện thỏa thuận thời gian trả do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C giải quyết theo Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Số tiền 5.500.000 đồng. Hai bên tự nguyện thỏa thuận: mỗi bên nộp 50% án phí nên ông C phải nộp 2.750.000 đồng, bà Võ Thị H, bà Võ Thị P và ông Võ Thanh T phải nộp 2.750.000 đồng.

Ông Nguyễn Thành C đã nộp tiền tạm ứng án phí 3.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013072; 4.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013071; 859.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013070, ngày 20/10/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu được căn trừ vào số tiền án phí mà ông C đã nộp. Ông C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 5.609.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Huỳnh Sa Rên